

Bản án số: 24/2021/HS-ST  
Ngày 15 - 9 - 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Chiêm và ông Trần Văn Sinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Mã Văn T (tên gọi khác: không) sinh ngày xx/xx/19xx, tại xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp xx/10; dân tộc: X; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mã Văn V (Đã chết) và bà Hoàng Thị S (Đã chết); có vợ là Đàm Thị N; con: 02 con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính (XPVPHC) về hành vi đánh nhau số: 13, ngày 12/01/1999 của Công an huyện N; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, “có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Mã Thế G, đồng thời là người làm chứng, sinh ngày 1x/x/20xx, “Vắng mặt”.  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Mã Thế G: Bà Đàm Thị N, sinh năm 19xx, “có mặt”.

- Chị Mã Thị H, đồng thời là người làm chứng, sinh năm 19xx, “có mặt”.

- Anh Trương Văn M, đồng thời là người làm chứng, sinh năm 19xx, “Có mặt”.

- Chị Nông Thị B, đồng thời là người làm chứng, sinh năm 19xx, “có mặt”.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Mã Thị B, sinh năm 19xx, trú tại thôn trú tại thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, “Có mặt”.

4. Người làm chứng:

- Ông Lâm Minh C, sinh năm 19xx, “Có mặt”.
- Ông Trương Văn T1, sinh năm: 19xx, “Có mặt”.
- Bà Triệu Thị Đ1, sinh năm 19xx, “Vắng mặt”.
- Anh Sầm Văn S, sinh năm: 19xx, “Có mặt”.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn L, xã K, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

- Ông Lôi Văn T2, sinh năm 19xx; trú tại thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, “Có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 15/7/2020, Mã Văn T từ ruộng lên nhà ông Lâm Minh C để mượn vòi bơm nước, lúc này tại nhà ông C có anh Trương Minh Đ và ông Lôi Văn T2 đang ngồi chơi nên ông T đã vào ngồi chung cùng một ghế gỗ băng dạng sa lông với anh Đ, còn ông C với ông T2 ngồi chung một ghế băng dạng sa lông đối diện. Tại đây mọi người cùng uống rượu. Sau đó, do ông T chê trách cán bộ xã và cho rằng anh Đ chỉ làm được ở thôn, không làm được ở xã nên giữa ông T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn và anh Đ đã dùng chân giẫm qua sau lưng ông C đập vào người ông T khiến ông T ngã ra nền nhà; ông T đứng dậy định cầm ấm sứ pha chè ném anh Đ nhưng được mọi người can ngăn; anh Đ chạy ra khỏi nhà ông C, ông T cũng rời nhà ông C với tâm trạng bức tức và nói với mọi người: “Tao về gọi thằng G”. Về đến nhà, ông T nói với Mã Thế G là con trai ông T là: “Vừa bị Đ đánh, giờ đi tìm đánh Đ”, nói xong ông T cầm theo 01 chiếc điều cày bằng tre, dài 65cm và 01 con dao có chiều dài cả chuôi là 56cm, phần lưỡi dao có chỗ rộng nhất 07cm đi theo hướng về nhà ông C với mục đích tìm anh Đ. Thấy vậy, G chạy theo giằng lấy chiếc điều cày; ông T cầm con dao ở tay phải đi lên nhà anh Đ, G cầm điều cày đi theo sau, vừa đi vừa khuyên can bố, nhưng ông T không nghe lời khuyên. Lên đến nhà anh Đ, không thấy anh Đ ở nhà nên ông T đã dùng dao chém vào xe mô tô của anh Đ dựng ở hiên nhà. Lúc này, G đứng ở phía sau và nói: “Anh Đ không ở nhà đâu, đi về đi bố”. Ông T và G đi xuống khu vực nhà ông C, vừa đi vừa nói: “Thằng Đ đâu, thằng Đ đâu”. Thấy một chiếc máy cày, ông T dùng dao đập vào chiếc máy cày rồi đứng tại khu vực cổng nhà ông C, G cũng đứng cạnh đó, trên tay cầm chiếc điều cày. Lúc này anh Đ đã chạy đến ôm ông T và đè ông T vào cột cổng nhà ông C, ông T dùng tay phải cầm dao vùng chém nhiều phát vào vùng đầu, mặt, người anh Đ. Thấy vậy G cầm điều cày bằng tay phải đánh 01 phát vào vùng lưng anh Đ. Sau đó, được mọi người can ngăn nên ông T bỏ chạy, còn anh Đ được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện N.

Ngày 17/8/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N ra quyết định trưng cầu giám định số 42. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 161/TgT ngày 20/8/2020 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn kết luận: Anh Trương Minh Đ bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 21,95% (làm tròn số là 22%), cụ thể:

- Gãy cung tiếp gò má trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 10%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt bên trái, từ thái dương trái xuống dưới gò má trái, kích thước 13cm x 0,2cm, vị trí đầu dưới sẹo cách chân cánh mũi trái 3,7cm, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 5,40%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng cằm bên trái, kích thước 02cm x 0,1cm, vị trí 03cm dưới ngoài khoe miệng trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1,69%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng thái dương đỉnh trái, kích thước 03cm x 1,5cm, vị trí cách 06cm trên đỉnh vành tai trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1,65%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng trán trái, kích thước 05cm x 0,2cm, vị trí cách 05cm trên sau đuôi cung lông mày trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1,62%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng sườn lưng trái, kích thước 05cm x 0,2cm, vị trí cách 4,5cm trên gai chậu trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1,59%;

Ngày 21/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã ban hành văn bản yêu cầu định giá tài sản số 20. Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận:

- 01 chiếc mũ bảo hiểm loại nửa đầu có trị giá 30.000,đ;

- 01 bọc yên xe giả da của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, dung tích 109cm<sup>3</sup> có trị giá 20.000,đ;

- 01 biển kiểm soát của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, dung tích 109cm<sup>3</sup> có trị giá 300.000,đ;

Vật chứng và đồ vật thu giữ, tạm giữ của vụ án gồm:

- 01 chiếc điều cày bằng tre;

- 01 con dao bằng kim loại;

- 01 chân dép nhựa bên phải của Mã Văn T;

- 01 chân dép nhựa bên trái + 01 mũ bảo hiểm của anh Trương Minh Đ

Các vật chứng trên đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

- **Tại phiên tòa, Mã Văn T khai nhận** toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị can tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. T trình bày, mục đích về nhà lấy dao, điều cày để chỉ tìm đánh anh Đ chứ không nhằm tước đoạt tính mạng của anh Đ; T không có ý kiến gì về quyết định XPVPHC số 326/QĐ-XPHC ngày 21/12/2020 của Công an huyện N đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của T và T đã thực hiện xong. Khi thực hiện hành vi làm hư hỏng tài sản và chém anh Đ, T thực hiện một mình, không rủ rê, lôi kéo, kích động hay bàn bạc với Mã Thế G về việc đánh, chém Đ. Khi bị hại điều trị tại trung tâm y tế huyện N, thì gia đình của T đã đến thăm hỏi và thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại. T có thu nhập thấp và không ổn định nên đề nghị được hưởng mức hình phạt thấp nhất; T không có yêu cầu gì với các tài sản của T đang bị tạm giữ; không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, T nhất trí với mức hình phạt và loại hình phạt; nhất trí với tổng số tiền T phải bồi thường; số tiền còn phải bồi thường cho bị hại mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo; T không yêu cầu Mã Thế G phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền liên đới cho bị cáo sau khi bị cáo thực hiện trả toàn bộ số tiền bồi thường cho bị hại.

- **Tại đơn đề nghị, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị hại Trương Minh Đ**  
**trình bày:** Vào khoảng 23 giờ ngày 15/7/2020, tại thôn L, xã K, anh đã bị Mã Văn T và Mã Thế G đánh, chém anh gây thương tích cho anh với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21,95%. Anh không có ý kiến gì đối với quyết định XPVPHC số 129/QĐ-XPHC ngày 01/6/2021 của công an huyện N đã xử phạt anh. Trước khi xảy ra sự việc, thì ông T vẫn sinh hoạt bình thường, không có hành vi quấy phá trong thôn. Trong thời gian điều trị thì gia đình bị cáo đã đến thăm hỏi và đã bồi thường cho anh số tiền 40.000.000,đ. Từ khi xảy ra sự việc cho đến nay anh vẫn được trả phụ cấp trưởng thôn đều đặn là 1.800.000,đ/tháng; còn thu nhập anh đi làm thêm thì trước khi bị thương tật vẫn đều đặn từ 4.000.000,đ đến 5.000.000,đ/tháng, sau khi nghỉ điều trị vết thương cho đến nay, thì thu nhập trên bị mất; trong các lần điều trị, anh đều được Bảo hiểm y tế chi trả theo quy định. Nay anh yêu cầu bị cáo và Mã Thế G phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản và sức khỏe cho anh với tổng số tiền là 150.000.000,đ bao gồm các khoản: 23.634.000,đ tiền thuốc điều trị ngoài phần chi trả của Bảo hiểm y tế; tiền xe đi lại hai chuyến là 2.600.000,đ; giá trị của chiếc mũ bảo hiểm là 250.000,đ + tiền thay vỏ yên xe máy là 65.000,đ; thu nhập của người chăm sóc (chị H) bị mất trong 02 tháng là 14.000.000,đ; thu nhập của anh bị mất trong thời gian từ ngày 15/7/2020 đến nay; còn lại là tiền tổn thất về tinh thần. Tại phần tranh luận, anh Đ nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh là 72.886.152,đ gồm các khoản sau: Tiền thuốc điều trị là: 23.636.152,đ; tiền thuê xe: 2.600.000,đ; giá trị tài sản bị hư hỏng là 350.000,đ; thu nhập anh bị mất của 03 tháng là 9.900.000,đ; thu nhập chị H bị mất của 02 tháng là 6.600.000,đ; tiền tổn thất về tinh thần cho anh là 20 tháng với số tiền là 29.800.000,đ. Sau khi trừ đi số tiền 40.000.000,đ bị cáo đã bồi thường cho anh, anh yêu cầu bị cáo tiếp tục phải bồi thường số tiền còn lại là 32.886.152,đ cho anh; về trách nhiệm hình sự: Anh nhất trí với mức hình phạt và loại hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo.

- Tại biên bản ghi lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi liên quan và đồng thời là người làm chứng là Mã Thế G trình bày: Khoảng 23 giờ ngày 15/7/2020, khi G đang ở nhà thì thấy bố trở về nhà với thái độ bức tức và có nói với G: Vừa bị thằng Đ đánh, giờ phải đi tìm nó. Sau đó thấy bố cầm 01 con dao và 01 chiếc điều cày của gia đình đi ra phía đường bê tông nên đã chạy theo giằng được chiếc điều cày và ngăn cản, khuyên can bố nhưng không được vì G biết là bố đi tìm đánh anh Đ. Việc G đi theo bố nhằm mục đích là ngăn cản, khuyên can bố và lo sợ anh Đ đánh bố. Khi xảy ra việc anh Đ đập bố và ôm ghì đè bố vào cột cổng nhà ông C thì G bị hoảng loạn nên có được dùng chiếc điều cày đánh một phát vào lưng anh Đ nhằm mục đích cho Đ bỏ bố ra và sau đó cùng anh Sơn vào can ngăn chứ không bị bố hay ai kích động, xúi giục, chỉ đạo việc G đánh anh Đ và cũng không có mục đích gì khác. Ngoài ra G không ý kiến gì thêm.

- Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Mã Văn G là bà Đàm Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của G và cho biết hiện nay G đi làm công ty, đang bị cách ly không về được. Bà nhất trí tiếp tục là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho G. Nhất trí việc Mã Văn T là chồng bà chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn phải bồi thường theo quyết định của Tòa án cho bị hại. Ngoài ra không còn có ý kiến gì.

- Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bà Mã Thị B trình bày: Bà là chị gái ruột của bị cáo T. Số tiền 40.000.000,đ, bà đưa cho gia đình anh Đ để điều trị thương tích cho

anh Đ là của gia đình bị cáo T nhờ bà đưa giúp. Bà không có liên quan gì đến số tiền này nên không có yêu cầu gì.

- Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan và đồng thời là người làm chứng, chị Mã Thị H trình bày: Chị là vợ anh Đ và là cháu ruột của ông T. Chị với ông T không có mâu thuẫn gì. Khoảng 23 giờ ngày 15/7/2020 khi chị đang ngủ cùng với hai con nhỏ thì nghe thấy tiếng ông T trước cửa nhà nói tìm thằng Đ để giết. Chị thấy ông T cầm dao còn G đứng cạnh ông T cầm điều cày không nói gì. Sau khi biết anh Đ không có nhà thì ông T dùng dao chém nhiều phát chiếc xe mô tô của gia đình chị để bên ngoài hiên nhà và chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô, biển số xe mô tô, sau đó ông T bỏ đi. Đối với những tài sản của gia đình bị ông T cố ý làm hư hỏng và thu nhập của chị bị mất trong thời gian chị nghỉ chăm sóc chồng thì chị ủy quyền cho anh Đ giải quyết. Còn anh Trương Văn M trình bày: Anh là em trai ruột của bị hại và có quan hệ hàng xóm với ông T. Khoảng 23 giờ ngày 15/7/2020 khi anh đang ngủ thì thấy tiếng của ông T nói ở ngoài đường là về gọi thằng G. Lúc sau tiếp tục thấy ông T chửi tên Đ, H nên anh dậy đi đến nhà anh Đ thì thấy ông T, G đang quay xuống. Ông T đi trước tay phải cầm con dao loại dao phay, G đi sau tay phải cầm một cái điều cày. Khi qua trước máy cày của gia đình anh để bên đường thì ông Thảo dùng dao đập một phát, nhưng không làm hư hỏng gì nên anh không có yêu cầu gì. Sau đó, tại cổng nhà ông C xảy ra xô xát giữa T và Đ, khi đó anh đứng cách họ khoảng hơn 03m và nhìn thấy ông T dùng dao đập nhiều phát vào đầu trái anh Đ. Thời điểm đó anh Đ đã chảy nhiều máu và G đứng cạnh, còn điều cày nằm dưới đất và không thấy G đánh. Sau khi được mọi người can thì ông T bỏ chạy. Ngoài ra họ không có ý kiến gì thêm.

- Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, người làm chứng: Ông Lâm Minh C trình bày: Các tình tiết liên quan đến bị cáo, bị hại xảy ra tại nhà ông và khu vực cổng nhà ông vào tối ngày 15/7/2020 đúng như bản cáo trạng đã nêu. Tại thời điểm ông ngồi giữa T và Đ trên ghế băng để can hai người nên ông không rõ Đ có đập hay tát ông T hay không vì ông không quan sát được. Còn ông Trương Văn T1 trình bày: Ông có quan hệ thông gia với bị cáo và là bố đẻ của bị hại. Tối ngày 15/7/2020, khi ông đang ngủ tại nhà ông thì ông thấy ông T chửi bới và sau đó có xô xát với Đ tại khu vực cổng nhà ông C. Nhà ông C đối diện với nhà ông và được ngăn cách bằng con đường thôn. Do vậy, khi xảy ra xô xát thì ông vẫn đứng ở sân nhà ông cách nơi xảy ra xô xát khoảng 10 đến 15m nhìn sang có thấy ông T có cầm dao loại dao thái chuối nhưng không nhìn thấy ông T dùng dao chém Đ; khi Đ xuất hiện thì ông thấy Đ giằng co với ông T, còn G có cầm một đoạn cây giống điều cày đánh Đ. Ngoài ra họ không biết gì thêm.

- Tại biên bản ghi lời khai, người làm chứng - Bà Triệu Thị Đ1 trình bày: Bà là chị dâu của ông T và là mẹ vợ của bị hại. Khoảng 23 giờ ngày 15/7/2020 bà đang ở nhà thì thấy tiếng chửi của ông T nên đã ra sân nhà thì thấy ông T tay cầm dao và G đi cùng. Ông T đi vào nhà anh Đ đập cửa nhà, sau đó xuống nhà bố đẻ anh Đ và dùng dao đập một phát vào chiếc máy cày để ngoài đường. Một lúc sau thì thấy anh Đ chạy vào sân nhà bà, trên mặt chảy nhiều máu, sau đó con gái bà là chị H đưa Đ đi trung tâm y tế huyện. Ngoài ra bà không biết gì thêm.

- Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, người làm chứng, chị Nông Thị B, anh

Sầm Văn S, ông Lôi Văn T2 trình bày: Họ với ông T, anh Đ không có quan hệ anh em và không có mâu thuẫn gì với họ. Chị B cho biết: Khoảng hơn 22 giờ ngày 15/7/2020, thì thấy tại nhà ông C có tiếng cãi, chửi nhau. Sau đó khoảng hơn 10 phút thì thấy ông T hô to là về nhà gọi thằng G lên đă. Khi ông T từ nhà quay lại có cầm theo 01 con dao phay dài khoảng 60cm và G đi cùng tay cầm một khúc cây màu trắng dài khoảng 60cm đi lên nhà anh Đ. Chị nghe thấy ông T chửi anh Đ và đòi chém chết. Sau đó ông T quay xuống nhà chị và dùng dao đập vào chiếc máy cày của nhà chị. Tiếp đến, chị chỉ thấy anh Đ và ông T ôm nhau trong tư thế: Ông T ở phía trong sát tường cổng nhà ông C, còn anh Đ ở phía ngoài; ông T tay phải cầm dao chém nhiều phát vào đầu và vùng mặt anh Đ, còn G dùng điều cày đập nhiều phát vào vùng lưng anh Đ. Khi đó, chị đang đứng ở sân nhà chị và cách chỗ họ khoảng 05 đến 06m. Sau khi được mọi người can ngăn thì ông T và G bỏ chạy về nhà và chị có được gọi điện nhờ người đưa Đ đi viện. Đối với chiếc máy cày bị ông T dùng dao đập không bị hư hỏng gì nên chị không có yêu cầu gì. Anh Sầm Văn S trình bày: Khoảng 23 giờ ngày 15/7/2020, khi anh đang ở nhà thì thấy có tiếng cãi, chửi nhau ngoài đường nên đi ra đường thì thấy ở khu vực cổng nhà ông C, ông T đang bị anh Đ ôm ghì vào tường cổng. Khi đó, anh đứng cách họ khoảng 15m nên thấy G cầm 01 chiếc điều cày màu hơi trắng, đập 01 phát vào lưng anh Đ; anh chạy đến đẩy G ra và tước con dao của ông T thì ông T chạy đi, còn anh đưa Đ về nhà thì thấy Đ bị chảy máu ở mặt. Ông Lôi Văn T2 trình bày: Các tình tiết có liên quan đến bị cáo và bị hại xảy ra tại nhà ông C tối ngày 15/7/2020 đúng như bản cáo trạng đã nêu vì thời gian đó ông có được ngồi chơi tại nhà ông C. Khi xảy ra mâu thuẫn thì Đức có được dùng chân đạp ngã ông T. Tại thời điểm xảy ra xô xát ông là bí thư chi bộ thôn và hiện nay là trưởng ban mặt trận thôn. Theo ông thì mức thu nhập bình quân của người dân làm nông nghiệp tại xã K cho thu nhập bình quân khoảng 2.000.000,đ/tháng. Những người làm chứng không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mã Văn T phạm "Tội cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 36; Điều 47, Điều 54 và các điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51 của bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS 2015); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015); các Điều 584, 585, 586, 588, 589, 590 của Bộ luật dân sự 2015 (BLDS 2015); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt bị cáo: Mã Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhận được bản án, quyết định thi hành án đối với bị cáo Mã Văn T. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 72.886.152,đ cho bị hại gồm các khoản sau: Tiền thuốc điều trị có hóa đơn chứng từ là: 23.636.152,đ; Tiền thuê xe: 2.600.000,đ; giá trị tài sản bị hư hỏng là 350.000,đ; thu nhập bị mất của bị hại là 03 tháng x 3.300.000,đ = 9.900.000,đ; thu nhập bị mất của chị H là 02 tháng x 3.300.000,đ = 6.600.000,đ; tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại là 20 tháng x mức lương tối thiểu là 1.490.000,đ = 29.800.000,đ. Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường số tiền 40.000.000,đ; buộc bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 32.886.152,đ cho anh Trương Minh Đ. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc điều cày bằng tre + 01 con dao bằng kim loại

+ 02 chân dép nhựa; trả lại cho anh Đ 01 mũ bảo hiểm. Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan là Mã Thế G và người làm chứng là Triệu Thị Đ vắng mặt. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy: Người có quyền lợi liên quan đã có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ có mặt và người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do vậy, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 BLTTHS 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ, ngày 15/7/2020, tại cổng nhà ông Lâm Minh C, thuộc thôn, xã K, huyện N đã xảy ra xô xát giữa anh Triệu Minh Đ với Mã Văn T. Do trước đó giữa bị cáo với bị hại đã có mâu thuẫn, nên khi bị anh Đ ôm đê vào người thì bị cáo đã dùng tay phải cầm dao, chém nhiều phát vào vị trí vùng mặt, đầu và đập dao vào vùng mạn sườn bên trái của bị hại. Mục đích chém là nhằm thoát khỏi sự khống chế của bị hại. Trước và tại thời điểm chém bị hại, bị cáo không có mục đích chấm dứt sự sống của bị hại và không thực hiện hành vi đến cùng, do vậy, khi được mọi người can ngăn, bị cáo đã bỏ chạy. Hậu quả xảy ra là đã gây tổn hại cho sức khỏe của bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21,95%.

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành của "Tội cố ý gây thương tích". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 BLHS 2015. Điều luật có nội dung:

*"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a) Dùng...hung khí nguy hiểm..*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm;...*

*đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”*

### **Xét về các tình tiết quyết định mức hình phạt:**

Về tính chất, mức độ, hậu quả, các hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Khi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được Luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án. Ngày 12/01/1999, bị cáo đã bị Công an huyện N XPVPHC về hành vi đánh nhau bằng quyết định số 13. Ngày 12/01/1999, bị cáo đã chấp hành xong quyết định XPVPHC. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong quyết định XPVPHC trên, bị cáo không tái phạm nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Ngày 21/12/2020, bị cáo bị Công an huyện Na Rì XPVPHC bằng quyết định số 326/QĐ-XPHC về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. Mặc dù hành vi bị xử phạt hành chính trên được bị cáo thực hiện liền kề trước với hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi này lại bị xử phạt hành chính sau, nên được xác định tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tiền sự. Còn trong cuộc sống hàng ngày ở địa phương, thì bị cáo cũng được bị hại, đồng thời là trưởng thôn xác nhận tại phiên tòa là bị cáo sinh sống bình thường, không có hành vi quậy phá trong thôn.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có bố đẻ là Mã Văn V được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì theo quyết định số 179 ngày 24/5/1999; có chị gái ruột là Mã Thị K, Mã Thị L và chú ruột là Mã Văn S lần lượt được Hội đồng Bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất theo quyết định số 121 KT/HĐBT ngày 11/9/1988; Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì theo quyết định số 83 KT/CTN ngày 12/12/1997; Hội đồng Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba theo quyết định số 719 KT/HĐNN ngày 15/8/1985 và người bị hại cũng có lỗi, nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, e, s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015; về tình tiết tăng nặng: Trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, thì bị cáo không rủ rê, lôi kéo, xúi giục, kích động Mã Thế Giang phạm tội; việc Giang tham gia đánh anh Đ nằm ngoài ý chí chủ quan của bị cáo. Do vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là xúi giục người chưa đủ 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào khác. Bị hại nhất trí với mức hình phạt và loại hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết: Bị cáo là người dân tộc thiểu số; có mức thu nhập thấp và không ổn định; nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy: Không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội; áp dụng Điều 54 và Điều 36 của BLHS 2015, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam



giữ để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

- Trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, thì bị cáo không rủ rê, lôi kéo, xúi giục, kích động Mã Thế G phạm tội; không có sự bàn bạc, phân công thống nhất về phương thức, thủ đoạn, đối tượng phạm tội; việc G tham gia đánh anh Đ nằm ngoài ý chí chủ quan của bị cáo. Tuy nhiên, trong thời gian bị cáo chuẩn bị phạm tội thì G đã biết được mục đích của bị cáo và tại thời điểm bị cáo phạm tội, G không tích cực can ngăn bị cáo mà tiếp nhận ý chí của bị cáo để cố ý thực hiện hành vi cầm chiếc điều cày đánh một phát vào lưng bị hại. Căn cứ vào các tình tiết trên, thì hành vi đánh anh Đức của Giang đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm tương ứng với vai trò cùng là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, xét về mối quan hệ cha con của bị cáo với G; về diễn biến tâm sinh lý, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Giang tại ngày 15/7/2020, khi G là người chưa đủ 18 tuổi; vai trò của G trong vụ án là không đáng kể; hành vi đánh người của G không quyết liệt; không gây tổn thương cơ thể cho bị hại. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với Mã Thế G là phù hợp và có căn cứ.

- Về hành vi hủy hoại tài sản: Trong quá trình đi tìm đánh bị hại thì bị cáo Mã Văn T tự mình thực hiện các hành vi đập phá, làm hư hỏng tài sản của người khác. Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì các tài sản bị hư hỏng có tổng trị giá là 350.000,đ. Do vậy, hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của Mã Văn T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an huyện N đã quyết định XPVPHC đối với Mã Văn T về hành vi này là có căn cứ.

- Về hành vi của Trương Minh Đ đã xâm phạm đến sức khỏe của bị cáo, do chưa đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, nên Công an huyện N đã ra quyết định XPVPHC đối với Trương Minh Đ về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác bằng quyết định số 129/QĐ-XPHC ngày 01/6/2021 là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phần tranh luận, bị cáo và bị hại cùng nhất trí về mức bồi thường, các khoản bồi thường và người phải bồi thường theo quan điểm của Kiểm sát viên, cụ thể như sau: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền là 72.886.152,đ cho anh Trương Minh Đ gồm các khoản sau: Tiền thuốc điều trị có hóa đơn chứng từ là: 23.636.152,đ; tiền thuê xe: 2.600.000,đ; giá tài sản bị hư hỏng là 350.000,đ; thu nhập bị mất của bị hại là 03 tháng x 3.300.000,đ/tháng = 9.900.000,đ; thu nhập bị mất của chị H là 02 tháng x 3.300.000,đ/tháng = 6.600.000,đ; tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại là 20 tháng x mức lương tối thiểu là 1.490.000,đ/tháng = 29.800.000,đ. Việc bị cáo và bị hại cùng nhau thống nhất mức bồi thường, các khoản bồi thường và người phải bồi thường là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên cần được ghi nhận và không đặt ra vấn đề xem xét mức độ lỗi của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo và bị hại cũng nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên là sau khi đối trừ đi số tiền 40.000.000,đ bị cáo đã bồi thường thì bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 32.886.152,đ cho bị hại. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên của họ và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 32.886.152,đ cho anh Trương Minh Đ là phù hợp và có căn cứ.

Do bị cáo không yêu cầu Mã Thế G phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mà bị cáo phải thực hiện bồi thường thay cho bị hại, nên phần nghĩa vụ của Mã Thế G với bị cáo không được đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điều cày bằng tre + 01 con dao bằng kim loại là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy; 02 chân dép nhựa của hai chủ sở hữu khác nhau có giá trị không lớn và các chủ sở hữu không có yêu cầu nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 mũ bảo hiểm không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì lập ngày 11/8/2021.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng; các điều luật; tội danh; mức hình phạt, loại hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo; biện pháp tư pháp; trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại và nghĩa vụ chịu án phí của bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 36 ; 47; điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của BLHS 2015; Điều 106, 136, 292, 293, 331, 333 của BLTTHS 2015; các Điều 288, 585, 586, 587, 588; 589; 590 của BLDS 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về tội phạm: Tuyên bố bị cáo Mã Văn T (tên gọi khác: Không) phạm "Tội cố ý gây thương tích" .

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án được giao giám sát giáo dục người được thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Mã Văn T cho UBND xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo với bị hại về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm cho anh Trương Minh Đ với tổng số tiền là 72.886.152 (Bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn một trăm năm mươi hai) đồng. Sau khi trừ với số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng bị cáo đã bồi thường cho bị hại, buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 32.886.152 (Ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi

sáu nghìn một trăm năm mươi hai) đồng cho anh Trương Minh Đức.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền còn phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Do bị cáo không có yêu cầu, nên phần nghĩa vụ liên đới của Mã Thế G với bị cáo không được đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc điều cày bằng tre + 01 con dao bằng kim loại + 02 chân dép nhựa;

- Trả lại cho anh Trương Minh Đ 01 mũ bảo hiểm.

Các vật chứng trên có số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 11/8/2021.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.644.300 (Một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo Mã Văn T, bị hại Trương Minh Đ có quyền kháng cáo bản án; chị Mã Thị H; anh Trương Văn M; chị Nông Thị B; bà Mã Thị B và bà Đàm Thị N có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 (mười năm) ngày kể từ ngày tuyên án. Mã Thế G vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được giao nhận hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; người có QLLQ;
- VKS huyện Na Rì;
- VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Phòng quản lý hồ sơ CA huyện;
- THA hình sự; dân sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**TRẦN QUANG HÒA**